

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2025 – 2026 - TOÁN 6**

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM.

I. SỐ HỌC.

- Các phép toán về phân số.
- Giá trị phân số của một số.
- Hỗn số.
- Số thập phân, các phép tính với số thập phân.
- Quy tắc làm tròn số thập phân và ước lượng kết quả.
- Tỉ số và tỉ số phần trăm, bài toán về tỉ số phần trăm.

II. HÌNH HỌC.

- Nhận biết được hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng.
- Xác định và vẽ được trục đối xứng và tâm đối xứng của hình (nếu có).
- Nhận biết được: Quan hệ cơ bản giữa điểm và đường thẳng (điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng, ...); Ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm; đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng; tia; hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song; trung điểm đoạn thẳng; các góc đặc biệt, số đo góc.
- Biết vẽ đoạn thẳng và đo độ dài đoạn thẳng; so sánh hai đoạn thẳng, vẽ trung điểm của đoạn thẳng, vẽ góc khi biết số đo.
- Giải được bài toán tính độ dài đoạn thẳng, tính số đo góc.

III. MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT.

- Phép thử nghiệm – sự kiện.
- Khả năng xảy ra của một sự kiện.
- Xác suất thực nghiệm.

B. MỘT SỐ BÀI TẬP THAM KHẢO.

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM. Hãy chọn 1 phương án đúng duy nhất.

Câu 1. Biểu diễn số đo thời gian 2 giờ 45 phút dưới dạng hỗn số với đơn vị là giờ là

- A. $2\frac{4}{3}$. B. $2\frac{3}{4}$. C. $2\frac{1}{3}$. D. $2\frac{1}{4}$.

Câu 2. Số thập phân nào có phần nguyên là 74 và phần thập phân là 68?

- A. 74,68. B. 68,74. C. $\frac{74}{68}$. D. $\frac{68}{74}$.

Câu 3. Số 1,75 được viết dưới dạng tỉ số phần trăm là

- A. 1750%. B. 175%. C. 17,5%. D. 1,75%.

Câu 4. Làm tròn số 1,37652 đến hàng phần nghìn ta được

- A. 1,377. B. 1,376. C. 1,3765. D. 1,38.

Câu 5. Hỗn số $-2\frac{3}{5}$ viết dưới dạng phân số là

- A. $\frac{13}{5}$. B. $-\frac{13}{5}$. C. $-\frac{10}{5}$. D. $-\frac{7}{5}$.

Câu 6. Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

- A. $\frac{103}{231} > 1$. B. $\frac{-23}{-24} < 1$. C. $\frac{-23}{24} > 0$. D. $\frac{-23}{-24} < 0$.

Câu 7. Sắp xếp các số 3,5; 1,57; -3,1; 0 theo thứ tự từ nhỏ đến lớn là

- A. 3,5; 1,57; -3,1; 0. B. 1,57; -3,1; 0; 3,5.
C. -3,1; 0; 1,57; 3,5. D. 3,5; 1,57; 0; -3,1.

Câu 8. Số thập phân -1,17 được viết dưới dạng phân số thập phân là

- A. $\frac{117}{100}$. B. $-\frac{117}{100}$. C. $-\frac{117}{10}$. D. $-\frac{117}{1000}$.

Câu 9. Kết quả của phép tính $(-0,235) \cdot (-8)$ là

- A. -2,25. B. 1,88. C. -1,95 D. -2,45.

Câu 10. Số đối của phân số $-\frac{2}{3}$ là

- A. $\frac{-2}{3}$. B. $\frac{2}{3}$. C. $-\frac{3}{2}$. D. $\frac{3}{2}$.

Câu 11. Tỷ số của 5 m và 60 cm là:

- A. $\frac{1}{12}$. B. $\frac{12}{1}$. C. $\frac{25}{3}$. D. $\frac{3}{25}$.

Câu 12. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $-23,456 > -23,564$. B. $-11,23 < -11,32$.
C. $10,32 > 10,321$. D. $-100,99 > -100,98$.

Câu 13. Trong các cách viết sau, cách viết nào biểu thị hỗn số?

- A. $\frac{-23}{-24}$. B. $2\frac{6}{17}$. C. 34%. D. 2,04.

Câu 14. Số đối của số thập phân -0,25 là

- A. 0,25. B. -0,75. C. -2,5. D. $\frac{3}{4}$.

Câu 15. Trong các số thập phân 1,123; -1,01; 0,999; -1,001, số bé nhất và số lớn nhất lần lượt là

- A. -1,01 và 0,999. B. -1,001 và 1,123. C. -1,01 và 1,123. D. -1,001 và 0,999.

Câu 16. 75% của 12 bằng:

- A. $\frac{1}{16}$. B. 9. C. $\frac{1}{9}$. D. 16.

Câu 17. Phân số nhỏ nhất trong các phân số $\frac{3}{-8}$; $\frac{-5}{8}$; $\frac{-1}{8}$; $\frac{7}{-8}$ là

- A. $\frac{-1}{8}$. B. $\frac{3}{-8}$. C. $\frac{-5}{8}$. D. $\frac{7}{-8}$.

Câu 18. Tìm x biết: $x + \frac{1}{4} = 75\%$

- A. $\frac{1}{2}$. B. $\frac{1}{4}$. C. $\frac{-1}{4}$. D. $\frac{-1}{2}$.

Câu 19. Cho góc xOy khác góc bẹt, M là điểm trong của góc đó. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $xOy = xOM$. B. $xOy < xOM$. C. $xOy > xOM$. D. $yOM > xOy$.

Câu 20. Góc tạo bởi kim giờ và kim phút trong mặt đồng hồ nào dưới đây biểu diễn góc bẹt?

- A. Hình 1. B. Hình 2.
C. Hình 3. D. Hình 4.



Hình 1



Hình 2

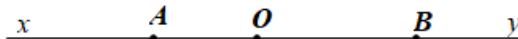


Hình 3



Hình 4

Câu 21. Hình vẽ sau có bao nhiêu tia góc O?



- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 22. Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

- A. M cách đều hai điểm A và B
B. M nằm giữa hai điểm A và B
C. M nằm giữa hai điểm A, B và $MA = MB$
D. $MA = MB$

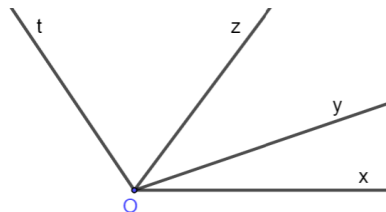
Câu 23. Cho hình vẽ bên. Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. Điểm A nằm giữa hai điểm B và C.
B. Điểm A và điểm C nằm cùng phía đối với điểm B.
C. Có hai tia góc C là: Tia AC và tia CB.
D. Ta luôn có $AC + AB = CB$.



Câu 24 Kể tên các tia góc O trong hình vẽ bên:

- A. Tia Ox.
B. Tia Ox, Oy, Oz, Ot.
C. Tia Ox, Oy, Oz.
D. Tia xO, yO, zO, tO.

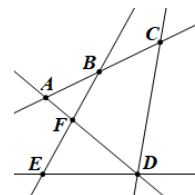


Câu 25. Hình nào dưới đây có một trục đối xứng?

- A. Hình chữ nhật. B. Tam giác đều. C. Hình thang cân. D. Hình thoi.

Câu 26. Trong hình vẽ bên có bao nhiêu bộ ba điểm thẳng hàng?

- A. 1 bộ. B. 2 bộ.
C. 3 bộ. D. 4 bộ.

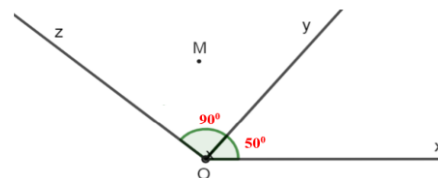


Câu 27. Cho ba góc: $xOy = 45^\circ$, $xOz = 90^\circ$, $xOt = 60^\circ$. Các góc được sắp xếp theo thứ tự số đo giảm dần là:

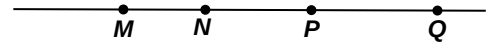
- A. xOy, xOz, xOt. B. xOy, xOt, xOz. C. xOt, xOy, xOz. D. xOz, xOt, xOy.

Câu 28. Cho hình vẽ bên. Mệnh đề nào sau đây sai?

- A. Điểm M nằm trong góc yOz.
B. Góc xOy có đỉnh là O, hai cạnh là hai tia Ox và Oy.
C. Trên hình vẽ bên có 3 góc: Góc xOy, góc yOz, góc xOz.
D. $xOy < xOz < yOx$.



Câu 29. Trên hình vẽ bên. Điểm nào thuộc đoạn thẳng NQ ?

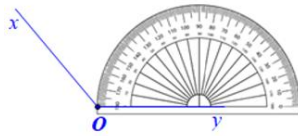


- A. Điểm M . B. Điểm N . C. Điểm P . D. Điểm Q .

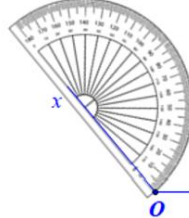
Câu 30. Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B cho trước?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. Vô số đường thẳng.

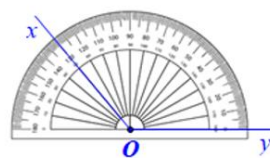
Câu 31. Để đo góc xOy , cách đặt thước đo góc nào sau đây là đúng:



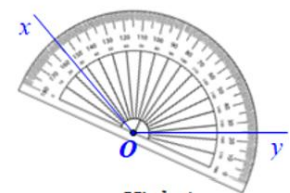
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

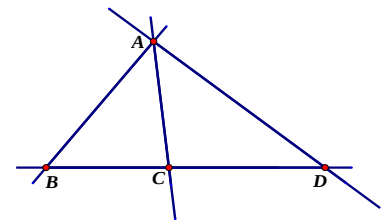
- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 32. Cho hai đoạn thẳng $AB = 5$ cm và $CD = 8$ cm. So sánh hai đoạn thẳng AB và CD ta được

- A. $AB = CD$. B. $AB < CD$. C. $AB > CD$. D. $AB \geq CD$.

Câu 33. Cho hình vẽ bên. Mệnh đề nào sau đây là **sai**?

- A. Ba điểm B, C, D thẳng hàng.
B. Đường thẳng BD cắt các đường thẳng AB, AC, AD .
C. Hai tia gốc C là tia BC và tia CD .
D. Góc BCD là góc bẹt.



Câu 34. Tập hợp tất cả các kết quả có thể xảy ra khi gieo một con xúc sắc 6 mặt là:

- A. $M = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$. B. $M = 6$. C. $M = \{2; 3; 4; 5; 6\}$. D. $M = 1; 2; 3; 4; 5; 6$

Câu 35. Bạn Hoa tung đồng xu 30 lần và ghi lại kết quả như bảng sau:

Mặt xuất hiện	Mặt sấp	Mặt ngửa
Số lần xuất hiện	18	12

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Tung đồng xu được mặt sấp” là

- A. 30%. B. 40%. C. 50%. D. 60%.

Câu 36. Cho phép thử nghiệm gieo con xúc sắc 6 mặt, quan sát số chấm xuất hiện ở mặt phía trên, sự kiện nào trong các sự kiện sau là sự kiện có thể xảy ra?

- A. “Số chấm xuất hiện nhỏ hơn 5”. B. “Số chấm xuất hiện lớn hơn 6”.
C. “Số chấm xuất hiện bằng 0”. D. “Số chấm xuất hiện bằng 7”.

Câu 37. Bạn Nam chọn một ngày trong tuần để đá bóng. Có tất cả bao nhiêu kết quả có thể xảy ra của phép thử nghiệm này?

- A. 5. B. 6. C. 7. D. 4.

PHẦN 2. TỰ LUẬN.

Bài 1. Thực hiện từng bước các phép tính (Tính hợp lý nếu có thể):

a) $\frac{-3}{4} + \frac{7}{12}$

b) $3,25 - \frac{-6}{25}$

c) $45\% - 1\frac{1}{4} + 0,5 : \frac{5}{16}$

$$d) \frac{-2}{17} + \frac{15}{19} + \frac{15}{-17} + \frac{15}{23} + \frac{4}{19}$$

$$e) \frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{9}{7} \cdot \frac{-5}{11} + \frac{12}{7}$$

$$f) 24\frac{2}{9} : \frac{13}{2024} - 11\frac{2}{9} : \frac{13}{2024}$$

$$g) \left(6\frac{4}{9} + 3\frac{7}{11} \right) - 4\frac{4}{9}$$

$$h) (-34,9) + 18,27 + (-17,1) + 6,73$$

$$i) 69,34 \cdot 15,46 + (-69,34) \cdot 5,46$$

$$k) [(-30,17) \cdot 0,2 + (-9,83) \cdot 0,2] - [4,48 - (-2,52)]: 0,4$$

Bài 2. Tìm x, biết:

$$a) x : \frac{3}{4} + 25\% = -\frac{2}{3}$$

$$b) (3,5 + 2x) \cdot 2\frac{2}{3} = 5\frac{1}{3}$$

$$c) 1\frac{5}{6} + x = \frac{7}{3}$$

$$d) \frac{-1}{2} = \frac{x}{70}$$

$$e) \frac{9}{2} = \frac{x-1}{4}$$

$$f) \frac{7}{-9} - x = \frac{-4}{5} : \frac{3}{10}$$

$$g) 4 - \left(2x + \frac{1}{4} \right)^2 = 0$$

$$h) x : 2,5 = (24,6 - 14,4) : 3$$

$$i) 12,5x = (33,6 - 11,6) \cdot 5$$

Bài 3. Làm tròn các số sau đây: -5186,5835; 7529,95642

a) đến hàng phần mười (chữ số thập phân thứ nhất), hàng phần nghìn (chữ số thập phân thứ ba).

b) đến hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm.

Bài 4. Khu vườn nhà ông Năm trồng 250 cây ăn trái gồm ba loại: xoài, cam và nhãn. Trong đó số cây xoài chiếm 20% tổng số cây của vườn, số cây cam bằng $\frac{3}{2}$ số cây xoài.

a) Tính số cây mỗi loại có trong khu vườn nhà ông Năm.

b) Tính tỉ số phần trăm số cây cam so với tổng số cây trong khu vườn.

Bài 5.

1. Một quyển sách có giá 48 000 đồng. Tìm giá mới của quyển sách sau khi:

a) giảm giá 25%;

b) tăng giá 10%.

2. Mẹ bạn Mai gửi 800 triệu đồng vào ngân hàng theo hình thức không kì hạn với lãi suất 0,6% một năm. Sau 90 ngày, khi rút ra mẹ Mai nhận được bao nhiêu tiền cả vốn lẫn lãi?

3. Bác Tám gửi 50 triệu đồng vào ngân hàng theo hình thức có kì hạn 12 tháng với lãi suất 8% một năm. Hỏi sau một năm bác Tám nhận được bao nhiêu tiền lãi?

4. Trong một bản đồ có tỉ lệ 1 : 50 000 thì chiều dài của cây cầu Cần Thơ bắc qua sông Hậu là 5,5 cm. Tính chiều dài thật của cầu Cần Thơ.

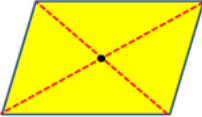
Bài 6.

1. Một cửa hàng thời trang giảm giá 12% cho các mặt hàng áo sơ mi và 15% cho các loại váy đầm. Biết các mặt hàng áo sơ mi niêm yết đồng giá là 350 000 đồng một cái và các loại váy đầm niêm yết đồng giá 620 000 đồng một cái. Chị Hoa mua 3 cái áo sơ mi và 2 cái váy. Hỏi chị Hoa phải trả tất cả bao nhiêu tiền cho cửa hàng?

2. Giá vé tour du lịch Sài Gòn – Côn Đảo hai ngày một đêm cuối tuần là 2 800 000 đồng cho một người lớn, và giá vé trẻ em bằng 75% giá vé người lớn. Nhân dịp khai trương chi nhánh mới, công ty du lịch A giảm giá 10% trên tổng hóa đơn cho các gia đình đăng ký. Hỏi gia đình bạn An gồm 2 người lớn và 2 trẻ em đăng ký đi tour này thì phải trả tổng cộng bao nhiêu tiền vé sau khi giảm?

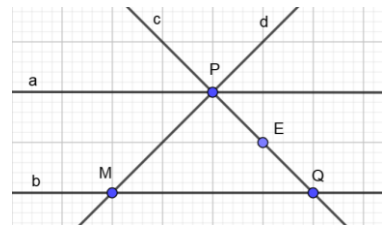
3. Mẹ bạn Bình gửi 120 triệu đồng vào ngân hàng theo hình thức có kì hạn 12 tháng với lãi suất 7% một năm. Hỏi sau hai năm mẹ bạn Bình nhận được bao nhiêu tiền lãi? Biết rằng tiền lãi của năm đầu sẽ được cộng dồn vào vốn để tính lãi cho năm sau.

Bài 7. Trong các hình dưới đây hình nào chỉ có trục đối xứng, hình nào chỉ có tâm đối xứng, hình nào vừa có trục vừa có tâm đối xứng?

			
Hình 1	Hình 2	Hình 3	Hình 4
			
Hình 5	Hình 6	Lục giác đều Hình 7	Tam giác đều Hình 8
			
Hình 9	Hình 10	Hình 11	Hình 12

Bài 8. Quan sát hình vẽ bên và trả lời các câu hỏi sau:

- Đường thẳng a cắt những đường thẳng nào?
- Đường thẳng a song song với đường thẳng nào?
- Ba điểm nào thẳng hàng?
- Kể tên các tia gốc E.
- Nêu tên đỉnh và các cạnh của góc PMQ.



Bài 9. Cho đoạn thẳng $AB = 6\text{cm}$. Gọi O là một điểm nằm giữa A và B . Gọi M, N lần lượt là trung điểm của OA và OB . Tính MN .

Bài 10. Trên tia Ox xác định hai điểm A và B sao cho $OA = 5\text{cm}$, $OB = 10\text{cm}$

- Tính độ dài AB .
- Điểm A có là trung điểm của OB không? Vì sao?

Bài 11. Cho đoạn thẳng $MN = 10\text{cm}$, Vẽ điểm H thuộc đoạn thẳng MN sao cho $MH = 5\text{cm}$.

- So sánh độ dài đoạn MN và MH ?
- Tính độ dài đoạn HN ?
- Điểm H có là trung điểm của đoạn MN không? Vì sao?
- Lấy điểm D là trung điểm HN . Tính độ dài MD ?

Bài 12. Minh gieo một con xúc xắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	12	20	18	24	14	12

- Hãy liệt kê tất cả các kết quả có thể xảy ra khi gieo con xúc xắc.
- Sự kiện gieo được mặt 3 chấm là sự kiện chắc chắn, có thể hay không thể xảy ra?
- Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện số chấm xuất hiện là 2 chấm.
- Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện số chấm xuất hiện là số chẵn.
- Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện số chấm xuất hiện là số nguyên tố.
- Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện số chấm xuất hiện là số lớn hơn 2.

C. ĐỀ MINH HỌA.

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Hãy chọn 1 phương án đúng duy nhất.

Câu 1. Hỗn số $-3\frac{2}{7}$ viết dưới dạng phân số là:

- A. $-\frac{21}{7}$ B. $-\frac{19}{7}$ C. $-\frac{23}{7}$ D. $-\frac{22}{7}$

Câu 2. Số 62,53895 được làm tròn đến hàng đơn vị là:

- A. 60 B. 62 C. 62,5 D. 63

Câu 3. Sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự tăng dần: 3,89; -5,9; -0,1; 3,09

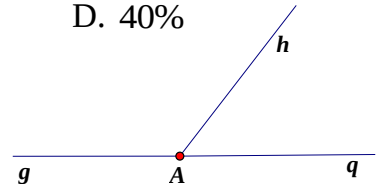
- A. -5,9; -0,1; 3,09; 3,89 B. -0,1; -5,9; 3,09; 3,89
C. -5,9; -0,1; 3,89; 3,09 D. -0,1; -5,9; 3,89; 3,09

Câu 4. Tỷ số phần trăm của 4 và 16 là:

- A. 20% B. 25% C. 30% D. 40%

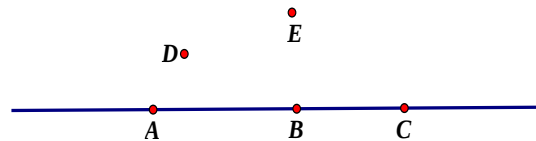
Câu 5. Trong hình vẽ bên, có bao nhiêu tia gốc A

- A. 0 B. 1
C. 2 D. 3

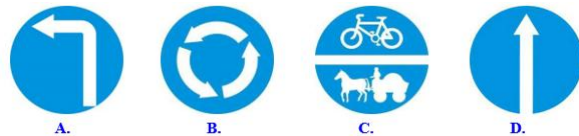


Câu 6. Trong hình sau, 3 điểm thẳng hàng là:

- A. Điểm D, điểm E, điểm A.
B. Điểm A, điểm B, điểm C.
C. Điểm A, điểm B, điểm D.
D. Điểm A, điểm D, điểm C.

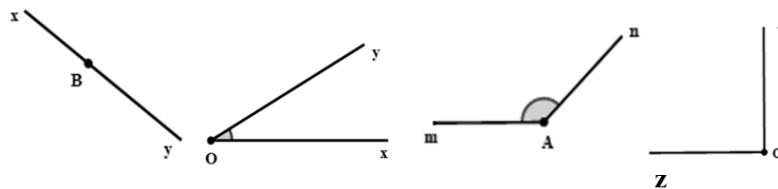


Câu 7. Hình nào sau đây có trục đối xứng?



- A. Hình A B. Hình B C. Hình C D. Hình D

Câu 8. Trong các góc sau, góc nào là góc bẹt?



- A. Góc xBy B. Góc xOy C. Góc mAn D. Góc zOt

Câu 9. Một xạ thủ bắn 90 viên đạn vào mục tiêu và thấy có 63 viên trúng mục tiêu. Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Xạ thủ bắn trúng mục tiêu” là:

- A. 0,7 B. 0,8 C. 0,3 D. 0,4

Câu 10. Khi lấy ngẫu nhiên một quả bóng trong một hộp gồm có bóng xanh và bóng vàng thì tập hợp kết quả màu của quả bóng có thể xảy ra là:

- A. {Xanh}. B. {Đỏ}. C. {Vàng}. D. {Xanh, Vàng}.

Câu 11. Có tất cả bao nhiêu kết quả có thể xảy ra của hoạt động tung một đồng xu hai lần liên tiếp:

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 12. Bạn Bình chọn một ngày trong tuần để đá bóng. Có tất cả bao nhiêu kết quả có thể xảy ra của phép thử nghiệm này?

- A. 5. B. 6. C. 7. D. 4.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm).

Bài 1. (2,5 điểm).

1. Thực hiện từng bước các phép tính (Tính hợp lý nếu có thể).

a) $\frac{-15}{23} + \frac{7}{19} + \frac{15}{23} + \frac{12}{19} + 1\frac{1}{2}$

b) $(-12,45) + 16,5 + 12,45$

c) $2,7 \cdot 6,5 - 2,7 \cdot 16,5$

2. Viết số thập phân $-0,7$ dưới dạng phân số thập phân.

3. Trong buổi kiểm tra sức khỏe đầu năm, cô nhân viên y tế đo được chiều cao của bạn Mai là 1,5 m và bạn Lan là 1,48 m. Tính tỉ số chiều cao của bạn Mai so với bạn Lan.

Bài 2. (1,5 điểm).

1. Lớp 6A có 40 học sinh, số học sinh nữ chiếm $\frac{3}{5}$ số học sinh cả lớp.

a) Tính số học sinh nữ của lớp 6A.

b) Tính tỉ số phần trăm số học sinh nam so với số học sinh lớp 6A.

2. Một cửa hàng thời trang giảm giá 12% cho các mặt hàng áo sơ mi và 15% cho các loại váy đầm. Biết các mặt hàng áo sơ mi niêm yết đồng giá là 350 000 đồng một cái và các loại váy đầm niêm yết đồng giá 620 000 đồng một cái. Chị Hoa mua 3 cái áo sơ mi và 2 cái váy. Hỏi chị Hoa phải trả tất cả bao nhiêu tiền cho cửa hàng.

Bài 3. (2,0 điểm).

a) Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài bằng 6cm. Vẽ điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB.

b) Tính độ dài đoạn thẳng AM và MB.

Bài 4. (1,0 điểm). Một hộp có 5 chiếc thẻ cùng loại được đánh số 1; 2; 3; 4; 5. Bạn Nam rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ hộp. Sau 20 lần rút thẻ liên tiếp bạn Nam ghi lại kết quả như sau:

Số ghi trên thẻ	1	2	3	4	5
Số lần	5	5	2	5	3

Tính xác suất thực nghiệm sự kiện bạn Nam rút được thẻ ghi số chẵn (kết quả viết dưới dạng số thập phân)

----- **HẾT** -----

(Chúc các em thi tốt)